TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 337/2026/QĐST- DS	*Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 272/2026/TLST- DS ngày 11 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B – Trưởng phòng. Theo văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng TMCP V. Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Quách Đức T – Trưởng bộ phận xử lý nợ và bà Vũ Ngọc Á – Cán bộ xử lý nợ theo

văn bản ủy quyền số 00252/2026/UQ-KHCN ngày 12/01/2026 của ông Nguyễn Hồng B – Trưởng phòng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1979. Căn cước công dân số 001079018487 do Cục cảnh sát cấp ngày 22/11/2021. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, thành phố Hà Nội.

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Đình M vay của Ngân hàng TMCP V theo hình thức giao dịch điện tử qua V1 NEO theo Hợp đồng tín dụng số LD 2511901020 ngày 29/4/2025 cụ thể như sau:

- Số tiền vay:206.000.000 đồng.
- Thời hạn cho vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 05/4/2030.
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống.
- Lãi suất cho vay trong hạn là: 38%/năm. Phương thức điều chỉnh lãi suất thể hiện chi tiết trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Hợp đồng thẻ được ký bằng hình thức giao dịch điện tử, thực hiện chữ ký số nên không có văn bản giấy có chữ viết tay của hai bên nhưng ông M đã thừa nhận có sử dụng hợp đồng thẻ này và dư nợ tại Ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng nói trên ông M vay tại Ngân hàng không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 nên toàn bộ các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn.

Tính đến hết ngày 10/3/2026, ông Nguyễn Đình M còn nợ Ngân hàng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số LD 2511901020 ngày 29/4/2025 là: 207.335.983 đồng (Hai trăm linh bảy triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng), cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 154.775.261 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 5.756.712 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 46.501.449 đồng.
- Phạt chậm trả: 302.561 đồng.

Ông Nguyễn Đình M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại

cổ phần V số tiền ông còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V tính đến hết ngày 10/3/2026 là: 207.335.983 đồng (Hai trăm linh bảy triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng). Ông Nguyễn Đình M tiếp tục chịu nợ lãi kể từ ngày 11/3/2026 trên số nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số LD 2511901020 ngày 29/4/2025 theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông M thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng.

Các bên thống nhất cho ông M thêm thời gian để thu xếp trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể như sau: Chậm nhất vào ngày 20 tháng 5 năm 2026, ông Nguyễn Đình M có trách nhiệm tất toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD 2511901020 ngày 29/4/2025 cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Nếu sau ngày 20/5/2026 mà ông Nguyễn Đình M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông với Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 10.366.799 đồng (Mười triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu 1/2 = 5.183.399 đồng (Năm triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng) tiền án phí. Các đương sự thống nhất để ông Nguyễn Đình M chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để ông Nguyễn Đình M chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Đình M phải nộp: 5.183.399 đồng (Năm triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 5.570.000 đồng (Năm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/26E số 0003971 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh